

Số: 1515 /CAT-PV01

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2024

V/v đăng tải dự thảo Hồ sơ đề nghị
xây dựng Nghị quyết trên Cổng
thông tin điện tử của tỉnh để các cơ
quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh

Để đảm bảo việc tổ chức, hoạt động, tiêu chí số lượng, chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024), Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các quy định pháp luật có liên quan, phù hợp với điều kiện đặc thù kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh; Công an tỉnh đã chủ trì lập Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí số lượng, chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Công văn số 267/UBND-THNC ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh về hướng dẫn quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh. Trong đó có hướng dẫn cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị quyết tổ chức lấy ý kiến về đề nghị xây dựng Nghị quyết: “*Đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý*”.

Để đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020, Công an tỉnh đề nghị Văn phòng UBND tỉnh:

1. Đăng tải toàn văn các dự thảo văn bản trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí số lượng, chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đính kèm) trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh từ ngày 02/5/2024 đến hết ngày 02/6/2024 để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến về dự thảo.

2. Tổng hợp các ý kiến góp ý của cá nhân, tổ chức đối với dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, gửi Công an tỉnh trước ngày 04/6/2024 để tổng hợp, bổ sung Hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định.

Công an tỉnh rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp, hỗ trợ của quý cơ quan./.

(Kèm theo:

- Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí số lượng, chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí số lượng, chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.) *phần*

Nơi nhận

- Như trên (để phối hợp);
- Đ/c Giám đốc CAT (để báo cáo);
- Các đ/c PGĐ CAT (để p/h chỉ đạo);
- Phòng PV01 - Đội 7 (để theo dõi);
- Lưu: VT, PV01 (Đ6).

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đại tá Trần Tiến Đạt

Số: /2024/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng chính sách; tiêu chuẩn trang phục, phương tiện, thiết bị đối với người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA..... - KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND, ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quy định số lượng, mức phụ cấp, chế độ hỗ trợ đối với Công an xã bán chuyên trách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND, ngày tháng năm 2024 của Ban Pháp chế và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh trật tự, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự; mức chi và hỗ trợ, bồi dưỡng; tiêu chuẩn trang phục, phương tiện, thiết bị đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự

1. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được bố trí ở ấp, khu phố thuộc xã, phường, thị trấn; mỗi ấp, khu phố thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mỗi Tổ có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và các Tổ viên.

2. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở căn cứ vào số lượng dân cư sinh sống tại các địa bàn ấp, khu phố (bao gồm cả thường trú và tạm trú), cụ thể:

a) Tại ấp, khu phố có số lượng dân cư dưới 3000 người: Mỗi Tổ tối đa 03 thành viên.

b) Tại ấp, khu phố có số lượng dân cư từ 3000 người đến dưới 5000 người: Mỗi Tổ tối đa 5 thành viên.

d) Tại ấp, khu phố có số lượng dân cư từ 5000 người đến dưới 7000 người: Mỗi Tổ tối đa 7 thành viên.

e) Tại ấp, khu phố có số lượng dân cư trên 7000 người: Mỗi Tổ tối đa 9 thành viên.

Điều 4. Chế độ hỗ trợ đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự

1. Mức phụ cấp hàng tháng.

a) Tổ trưởng: 3.000.000 đồng/người/tháng;

b) Tổ phó: 2.700.000 đồng/người/tháng;

c) Tổ viên: 2.400.000 đồng/người/tháng.

2. Mức hỗ trợ theo trình độ đào tạo

a) Đại học: 1.500.000 đồng/người/tháng;

b) Cao đẳng: 1.200.000 đồng/người/tháng;

c) Trung cấp: 1.000.000 đồng/người/tháng;

3. Khi có quyết định triệu tập của Chủ tịch UBND xã để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự hoặc tuần tra ban đêm theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt (tính từ 22 giờ đêm hôm trước đến 06 giờ sáng hôm sau) thì được hỗ trợ 60.000 đồng/người/đêm nhưng không quá 15 đêm/người/tháng.

4. Hỗ trợ tiền ăn 50.000 đồng/01 người/01 ngày nhưng tối đa không quá 15 ngày trong một tháng.

5. Hỗ trợ tiền thâm niên: Trường hợp có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên được hỗ trợ 70.000 đồng/tháng, mỗi năm tiếp theo tăng thêm 7.000 đồng/tháng.

6. Khi thực hiện nhiệm vụ trong các ngày thứ bảy, chủ nhật, Lễ, Tết (không được bố trí nghỉ bù) được hỗ trợ như sau: (Mức phụ cấp hàng tháng + Mức hỗ trợ theo trình độ đào tạo)/30 ngày x 200%. Tổng số ngày làm việc ngoài giờ không quá 30% số ngày thứ bảy, chủ nhật, Lễ, Tết trong một năm.

7. Hỗ trợ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế.

a) Hàng tháng được hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện với mức 22% theo chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo quy định của Chính phủ.

b) Hàng năm được hỗ trợ 100% Bảo hiểm y tế theo đối tượng tham gia Bảo hiểm y tế hộ gia đình, mức đóng bằng 4,5 % mức lương cơ sở.

8. Chế độ hỗ trợ thai sản.

a) Trong thời gian nghỉ thai sản được hỗ trợ bằng mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng.

b) Thời gian để tính chế độ: Thời gian nghỉ thai sản theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội.

c) Trong thời gian nghỉ thai sản vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

9. Hỗ trợ thôi việc.

Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở nghỉ việc được cấp có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ 01 lần, cụ thể như sau:

a) Trường hợp có thời gian công tác trên 05 năm, được hỗ trợ 1 lần theo chế độ mỗi năm công tác bằng một tháng mức phụ cấp đang hưởng.

b) Trường hợp có thời gian công tác dưới 05 năm, được hỗ trợ 1 lần theo chế độ, mỗi năm công tác bằng $\frac{1}{2}$ tháng mức phụ cấp đang hưởng.

Các trường hợp tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được kiện toàn từ lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố khi nghỉ việc, mốc thời gian để tính chế độ thôi việc được tính từ khi có quyết định tuyển dụng vào lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố.

Quy định này không áp dụng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 5. Mức hỗ trợ cho người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương bị chết khi thực hiện nhiệm vụ

1. Trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ.

a) Trường hợp người có tham gia bảo hiểm y tế thì được thanh toán từ bảo hiểm y tế. Các khoản chi phí còn lại không được thanh toán từ bảo hiểm y tế thì được thanh toán toàn bộ (kể cả thuốc phải mua ngoài theo toa chỉ định của bác sỹ điều trị);

b) Trường hợp người chưa tham gia bảo hiểm y tế thì được thanh toán toàn bộ chi phí y tế trong quá trình sơ cứu, cấp cứu đến khi ổn định thương tật,

xuất viện (kể cả thuốc phải mua ngoài theo toa chỉ định của bác sỹ điều trị);

Sau khi điều trị, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giới thiệu đi giám định khả năng lao động tại Hội đồng giám định y khoa theo quy định của pháp luật, tùy theo mức độ suy giảm khả năng lao động, được hưởng mức hỗ trợ tương ứng sau (áp dụng cho người tham gia và không tham gia bảo hiểm y tế):

- Bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến dưới 21% được hưởng trợ cấp một lần bằng 08 tháng mức phụ cấp hiện hưởng;
- Bị giảm khả năng lao động từ 21% đến 40% được hưởng trợ cấp một lần bằng 10 tháng mức phụ cấp hiện hưởng;
- Bị giảm khả năng lao động từ 41% đến 60% được hưởng trợ cấp một lần bằng 12 tháng mức phụ cấp hiện hưởng;
- Bị giảm khả năng lao động từ 61% đến 80% được hưởng trợ cấp một lần bằng 14 tháng mức phụ cấp hiện hưởng;
- Bị giảm khả năng lao động từ 81% trở lên được hưởng trợ cấp một lần bằng 16 tháng mức phụ cấp hiện hưởng;

Ngoài ra, trong thời gian điều trị nội trú được hỗ trợ tiền ăn hằng ngày với mức 50.000đ/ngày đến khi xuất viện.

2. Trường hợp bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ (áp dụng đối với người chưa tham gia bảo hiểm xã hội)

Trường hợp bị chết, kể cả trong thời gian điều trị lần đầu, thì người chịu trách nhiệm mai táng được nhận tiền mai táng bằng 10 tháng mức phụ cấp của người đó trước khi chết và gia đình (cha, mẹ; vợ, chồng; con hoặc người nuôi dưỡng) người đó được hỗ trợ một lần với số tiền bằng 12 tháng mức phụ cấp người đó hiện hưởng trước khi chết.

3. Về điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục được áp dụng theo Điều 5 và Điều 6 tại Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Điều 6: Mức chi hỗ trợ công tác tập huấn, diễn tập, hội thi bảo đảm điều kiện hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Chế độ công tác tập huấn, diễn tập, hội thi bảo đảm điều kiện hoạt động cho Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Trang trí Hội nghị tập huấn, diễn tập, hội thi: Không quá 500.000đ/hội nghị tập huấn, diễn tập, hội thi.
2. Thuê địa điểm, hội trường: Không quá 1.000.000đ/hội nghị/hội thi.
3. Nước uống cho đại biểu: 40.000đ/người/ngày. Nếu ½ ngày bằng 50%.
4. Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 72.000đ/người/ngày.
5. Văn phòng phẩm, tài liệu, biểu mẫu: Không quá 1.000.000đ/hội nghị.

6. Pano, tờ rơi, áp phích tuyên truyền: Không quá 2.000.000đ/hội nghị.

* Kinh phí chi cho Hội nghị tập huấn, diễn tập, hội thi không được vượt quá 20.000.000đ/đợt/năm.

Điều 7. Mức chi trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn (năm)
1	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01	03
2	Mũ cứng gắn huy hiệu	Cái	01	03
3	Mũ bảo hiểm	Cái	01	05
4	Quần áo xuân hè gắn phù hiệu	Bộ	01	01
5	Áo xuân hè dài tay gắn phù hiệu	Cái	01	02
6	Dây lưng	Cái	01	03
7	Giày da	Đôi	01	02
8	Dép nhựa	Đôi	01	01
9	Bít tất	Đôi	02	01
10	Quần áo mưa	Bộ	01	03
11	Biển hiệu	Cái	01	05
12	Giấy chứng nhận	Cái	01	05
13	Chăn	Cái	01	05
14	Mùng	Cái	01	05
15	Chiếu trải	Cái	01	02

Số tiền chi trang cấp theo thực tế báo giá của đơn vị cung cấp.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực:

a) Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quy định số lượng, mức phụ cấp, chế độ hỗ trợ đối với công an xã bán chuyên trách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND ngày 26/10/2010 của HĐND tỉnh về số lượng và chế độ chính sách cho Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c) Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09/4/2009 của HĐND tỉnh về mức phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Điều 1 Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 9/12/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09/4/2009 của HĐND tỉnh về mức phụ cấp đối với bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- UB Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Bộ Tư pháp, Cục Kiểm tra Văn bản QPPL Bộ Tư pháp
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Văn Phòng, Cục XDPTBVANTQ - Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND, UBND, UBMTTQ, Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; VP TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND huyện, TP;
- TT Đảng ủy; HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- TT Công báo tỉnh; Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, PC.....

CHỦ TỊCH

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và hỗ trợ, bồi dưỡng; tiêu chuẩn trang phục, phương tiện, thiết bị đối với người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Quy định của Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật; Quyết định số /QĐ-TTHĐND ngày của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao trong các Luật, Nghị quyết được Quốc Hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 6.

Theo đề nghị của Công an tỉnh tại Tờ trình số/TTr-CAT-PTM ngày/3/2024, UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự; mức chi và hỗ trợ, bồi dưỡng, mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị, trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận và các khoản chi khác bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

1.1. Căn cứ chung

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18/6/2020;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

- Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;

- Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014;

- Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28/11/2023;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã;

- Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

- Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở;

- Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở.

- Thông tư số 40/2023/TT-BTC ngày 09/6/2023 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

1.2. Căn cứ cụ thể

Căn cứ các điều, khoản, điểm của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở giao Hội đồng nhân dân quy định chi tiết thi hành, cụ thể:

a) Khoản 3 Điều 14 giao Hội đồng nhân tỉnh bố trí lực lượng tham gia bảo vệ ninh, trật tự ở cơ sở; cụ thể: *Căn cứ tình hình, yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý.*

b) Khoản 1 Điều 23 giao Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở; cụ thể: *"Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở được hưởng tiền hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, được hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định".*

c) Điểm b khoản 2 Điều 23 và điểm c khoản 2 Điều 23 giao Hội đồng nhân dân tỉnh Hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở khi được cử đi bồi dưỡng, huấn luyện, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc khi được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ. Mức hỗ trợ, bồi dưỡng được quy định cụ thể như sau:

- *Khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động được hưởng mức tiền bồi dưỡng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

- Khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng được hưởng mức tiền bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

d) Khoản 2, Điều 26 giao Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhiệm vụ chi của địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình; cụ thể: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 26 phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương (Khoản 1, Điều 26, quy định về các nhiệm vụ chi của địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm, bao gồm: (1) Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị; công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức; bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; (2) Trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; (3) Thực hiện chi các nội dung quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Luật này; (4) Sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do địa phương tổ chức; (5) Các khoản chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định của pháp luật).

2. Căn cứ thực tiễn

Khoản 1 Điều 14 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định “1. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được kiện toàn từ lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp tục sử dụng và Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng hoặc được tuyển chọn theo quy định của Luật này”. Theo đó, thực hiện quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, của tỉnh, hiện nay trên địa bàn tỉnh cả 03 lực lượng (Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng) đã được thành lập và quy định cụ thể về tổ chức, hoạt động, chế độ chính sách, cụ thể:

2.1. Về lực lượng Công an xã bán chuyên trách (gọi tắt là CAX): Thực hiện Pháp lệnh Công an xã năm 2008; Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định số lượng, mức phụ cấp, chế độ hỗ trợ đối với công an xã bán chuyên trách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tổng số Công an xã theo mức định biên là 1.500 đồng chí. Tính đến nay trên địa bàn toàn tỉnh đã bố trí Công an xã bán chuyên trách tại 120/121 xã với 1.071 đồng chí. Cụ thể như sau:

- Giới tính: nam 917 đồng chí, nữ: 154 đồng chí;
- Trình độ: Từ Đại học: 63 đồng chí; Cao đẳng 61, trung cấp 91 đồng chí; dưới trung cấp 856 đồng chí.
- Độ tuổi: dưới 30 tuổi 323 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 647 đồng chí, trên 50 tuổi 99 đồng chí.
- Đảng viên: 727; Tôn giáo: 165.

- Tổng số đủ điều kiện khi kiện toàn Lực lượng theo Luật: 1.034; số không đủ điều kiện sau khi kiện toàn 37; số có nguyện vọng tiếp tục tham gia lực lượng 1.041; số xin nghỉ và không đủ điều kiện 30.

- Chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng:

+ Mức phụ cấp hàng tháng: 1,7 lần mức lương cơ sở.

+ Công an viên bán chuyên trách có trình độ đại học trở lên được hỗ trợ thêm hệ số bằng 0,64 lần mức lương cơ sở; trình độ cao đẳng được hỗ trợ thêm hệ số bằng 0,4 lần mức lương cơ sở; trình độ trung cấp được hỗ trợ thêm hệ số bằng 0,16 lần mức lương cơ sở.

+ Hỗ trợ ngày công lao động vào ban đêm (tính từ 21 giờ đến 05 giờ sáng hôm sau) 60.000 đồng/01 người/01 ngày nhưng tối đa không quá 15 ngày trong một tháng.

+ Hỗ trợ tiền ăn 50.000 đồng/01 người/ 01 ngày, nhưng tối đa không quá 15 ngày trong một tháng.

+ Nếu có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên được hỗ trợ 70.000đồng/tháng, mỗi năm tiếp theo tăng thêm 7.000 đồng/tháng.

+ Trong các ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, tết (không được bố trí nghỉ bù) thì được hỗ trợ như sau: $(1,7 \times \text{mức lương cơ bản})/30 \text{ ngày} \times 200\%$ (thứ bảy, chủ nhật) hoặc 300% (ngày lễ, tết)/8 giờ $\times$ (số giờ làm việc ngoài giờ không nghỉ bù). Tổng số giờ làm việc ngoài giờ 01 người không quá 200 giờ trong một năm.

+ Chế độ hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Công an xã bán chuyên trách tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện với mức 22% mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 14%; Công an xã bán chuyên trách đóng 8%. Tham gia bảo hiểm y tế với mức đóng bằng 4,5% lương cơ sở, ngân sách nhà nước hỗ trợ 3% và Công an xã bán chuyên trách đóng 1,5%. Những trường hợp không tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội thì không được hỗ trợ.

+ Chế độ hỗ trợ thai sản

Mức hỗ trợ: Trong thời gian nghỉ thai sản được hỗ trợ bằng mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng.

Thời gian để tính chế độ: Thời gian nghỉ thai sản theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội.

Trong thời gian nghỉ thai sản vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

+ Hỗ trợ thôi việc

Công an viên bán chuyên trách có thời gian công tác liên tục dưới 15 năm, kết thúc nhiệm vụ mà không bố trí sắp xếp được công tác khác hoặc không tiếp tục tham gia bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở, được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ một lần. Số tiền hỗ trợ được tính theo số năm công tác nhân với lương cơ sở tại thời điểm nghỉ việc.

Thời gian được tính như sau: Dưới 06 tháng được tính bằng 1/2 năm làm việc; từ đủ 06 tháng trở lên được tính bằng 01 năm làm việc.

Quy định này được áp dụng đối với Công an xã bán chuyên trách không vi phạm kỷ luật, nghỉ việc vì lý do chính đáng.

Tổng kinh phí hiện đang chi trả trong 01 tháng là 6.442.925.760 đồng; 01 năm là: 77.315.109.120 đồng

2.2. Về lực lượng Bảo vệ dân phố (gọi tắt là BVDP): Thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc tổ chức, hoạt động và chế độ, chính sách đối với Bảo vệ dân phố. Tổng số định biên lực lượng Bảo vệ dân phố theo quy định là 2.086 thành viên. Hiện nay lực lượng Bảo vệ dân phố được bố trí tại các phường, thị trấn với 1.639 thành viên, gồm 49 ban, 298 tổ. Trong đó, Trưởng Ban 49 đồng chí, Phó ban 49 đồng chí, 298 tổ trưởng, 298 tổ phó và 1.111 tổ viên. Cụ thể như sau:

- Giới tính: nam 1.626 đồng chí, nữ 13 đồng chí;
- Trình độ: Từ Đại học trở lên: 9 đồng chí; Cao đẳng 1, trung cấp 2 đồng chí; dưới trung cấp 1.627 đồng chí.
- Độ tuổi: dưới 30 tuổi 478 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 751 đồng chí; trên 50 tuổi 410 đồng chí.
- Đảng viên 239 đồng chí; tôn giáo 495 đồng chí.
- Số đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo Luật 1.475, số không đủ điều kiện 164, số có nguyện vọng tiếp tục tham gia lực lượng 1.590, số trường hợp xin nghỉ 49.
- Chế độ hỗ trợ: Lực lượng Bảo vệ dân phố được hỗ trợ theo Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09/4/2009 của HĐND tỉnh về mức phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09/4/2009 của HĐND tỉnh về mức phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND ngày 26/10/2010 của HĐND tỉnh về số lượng và chế độ chính sách cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

- + Trưởng ban Bảo vệ dân phố: Hệ số phụ cấp 0,7 mức lương tối thiểu chung.
- + Phó ban Bảo vệ dân phố: Hệ số phụ cấp 0,6 mức lương tối thiểu chung.
- + Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố (Ủy viên Bảo vệ dân phố): Hệ số phụ cấp 0,5 mức lương tối thiểu chung.
- + Tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố: Hệ số phụ cấp 0,4 mức lương tối thiểu chung.
- + Tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố: Hệ số phụ cấp 0,3 mức lương tối thiểu chung.
- + Ban Bảo vệ dân phố, mỗi chức danh được hỗ trợ 400.000 đồng/người/tháng”.
- + “Khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra vào ban đêm, mỗi bảo vệ dân phố được bồi dưỡng 40.000 đồng/người/đêm”.

Tổng kinh phí hiện đang chi trả trong 01 tháng là: 2.630.540.000 đồng; chi trả một năm: 31.566.480.000 đồng.

2.3. Đối với lực lượng Dân phòng (gọi tắt là DP): Thực hiện theo Nghị quyết Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về số lượng và chế độ chính sách cho đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09/4/2009 của HĐND tỉnh về mức phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND ngày 26/10/2010 của HĐND tỉnh về số lượng và chế độ chính sách cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2024 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên, hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Dân phòng và trang bị trang phục, phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Dân phòng tại các phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tổng số định biên lực lượng Dân phòng theo quy định là 1.815 thành viên. Hiện nay, số lực lượng Dân phòng toàn tỉnh là 1.401 thành viên được thành lập tại các xã, với 114 Đội, cụ thể: 114 Đội trưởng, 135 Đội phó và 1.141 thành viên, cụ thể:

- Giới tính: nam 1.372 đồng chí, nữ 29 đồng chí;
- Trình độ: Từ Đại học 25 đồng chí; Cao đẳng 17 đồng chí, trung cấp 35 đồng chí; dưới trung cấp 1.295 đồng chí.
- Độ tuổi: dưới 30 tuổi 378 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 749 đồng chí; trên 50 tuổi 269 đồng chí;
- Đảng viên 167 đồng chí, tôn giáo 318 đồng chí.
- Số đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo Luật 1.128, số không đủ điều kiện 262, số có nguyện vọng tiếp tục tham gia lực lượng 1.595, số trường hợp xin nghỉ 106.
- Chế độ hỗ trợ:
 - + Đội Trưởng: Hưởng mức hỗ trợ bằng 0,5 lần mức lương tối thiểu.
 - + Đội Phó: Hưởng mức hỗ trợ bằng 0,4 lần mức lương tối thiểu.
 - + Đội viên: Hưởng mức hỗ trợ bằng 0,3 lần mức lương tối thiểu.
 - + “Lực lượng Dân phòng được hỗ trợ tăng thêm theo từng chức danh: Đội trưởng: 600.000 đồng/người/tháng; Đội phó: 500.000 đồng/người/tháng; Đội viên: 400.000 đồng/người/tháng”.
 - + Kinh phí chi cho việc thực hiện nhiệm vụ thường trực, tuần tra ban đêm của Dân phòng hàng tháng được thực hiện từ nguồn ngân sách xã theo tỷ lệ từ 50% đến 100% trên tổng kinh phí hỗ trợ theo hệ số hàng tháng cho Dân phòng, tùy khả năng ngân sách từng xã để ấn định tỷ lệ phần trăm (50% đến 100%) chi cho phù hợp.

Tổng kinh phí hiện đang chi trả trong 01 tháng là: 1.785.010.000 đồng; chi trả một năm: **21.420.120.000** đồng.

*** Thống kê chung về biên chế:**

Tổng số định biên của 03 lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng: CAX (1.500) + BVDP (2.086) + DP (1.815) = 5.401 thành viên.

Tổng số 03 lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng hiện tại: CAX (1.071) + BVDP (1.639) + DP (1.401) = 4.111 thành viên (thiếu 1.290 thành viên so với mức định biên quy định).

Tổng số CAX, BVDP, DP đủ điều kiện để kiện toàn tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở theo Luật: 3.637 đồng chí; 474 trường hợp không điều kiện để kiện toàn theo Luật, 185 trường hợp xin nghỉ việc.

*** Thống kê chung về chế độ chính sách:**

Tổng kinh phí thực tế đang chi trả cho cả 03 lực lượng trong 01 năm (gồm cả trang cấp trang phục): 137.228.644.120đ (một trăm ba bảy tỷ, hai trăm hai tám triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm hai mươi đồng)

Tổng kinh phí chi trả cho 3 lực lượng theo mức định biên trong 01 năm (gồm cả trang cấp trang phục): 179.119.648.000đ (một trăm bảy chín tỷ, một trăm mười chín tỷ, sáu trăm bốn tám triệu đồng).

Căn cứ cơ sở pháp lý và tình hình thực tế địa bàn; để tạo cơ sở pháp lý thống nhất tổ chức thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thì việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và hỗ trợ, bồi dưỡng; tiêu chuẩn trang phục, phương tiện, thiết bị đối với người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Cụ thể hóa, quy định chi tiết các nội dung được Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự giao thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai; tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc thành lập, xây dựng tổ chức, bảo đảm chế độ, chính sách, điều kiện hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; củng cố, duy trì lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật khác của tỉnh có liên quan.

- Kịp thời quy định chi tiết các nội dung được Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở giao Hội đồng nhân dân tỉnh, bảo đảm các quy định của Luật được cụ thể hóa đầy đủ và có tính khả thi.

- Quá trình xây dựng bám sát và kế thừa, bổ sung, điều chỉnh các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung liên quan đến 03 lực lượng (*Công an xã bán chuyên trách; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng, Đội phó đội Dân phòng*); kiện toàn, thống nhất, tinh gọn đầu mối gắn với bảo đảm chế độ chính

sách, điều kiện hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, điều kiện thực tế địa phương và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh và từng địa bàn cơ sở.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh trật tự, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự; mức chi và hỗ trợ, bồi dưỡng; tiêu chuẩn trang phục, phương tiện, thiết bị đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

- Lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

IV. NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Chính sách 1: Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự

1.1. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được bố trí ở ấp, khu phố thuộc xã, phường, thị trấn; mỗi ấp, khu phố thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mỗi Tổ có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và các Tổ viên.

Cơ sở đề xuất: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 170 xã, phường, thị trấn với 936 ấp, khu phố (298 khu phố và 638 ấp). Trong đó: 40 phường 241 khu phố; 09 thị trấn với 57 khu phố; 121 xã với 638 ấp. Theo đó, tại 938 ấp, khu phố trên toàn tỉnh sẽ bố trí tương ứng 938 tổ bảo vệ an ninh, trật tự đảm bảo phù hợp, đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước tại cơ sở.

1.2. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở căn cứ vào số lượng dân cư sinh sống tại các địa bàn ấp, khu phố (bao gồm cả thường trú và tạm trú), cụ thể:

- Tại ấp, khu phố có số lượng dân cư dưới 3000 người: Mỗi Tổ tối đa 03 thành viên.

- Tại ấp, khu phố có số lượng dân cư từ 3000 người đến dưới 5000 người: Mỗi Tổ tối đa 5 thành viên.

- Tại ấp, khu phố có số lượng dân cư từ 5000 người đến dưới 7000 người: Mỗi Tổ tối đa 7 thành viên.

- Tại ấp, khu phố có số lượng dân cư trên 7000 người: Mỗi Tổ tối đa 9 thành viên.

Cơ sở đề xuất:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 14 Luật Lực lượng về Bố trí lực lượng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, quy định: *Căn cứ tình hình, yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý.*

- Vận dụng Thông tư 25/TT-BCA ngày 19/5/2022 của Bộ Công an quy định về Cảnh sát khu vực, quy định về bố trí lực lượng theo quy mô dân số (số hộ, nhân khẩu).

- Căn cứ theo số liệu thực tế thống kê, hiện nay trên địa bàn tỉnh, 03 lực lượng là bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang tiếp tục sử dụng, Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng theo Luật phòng cháy và Lực lượng dân phòng theo Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND ngày 26/10/2010 của HĐND tỉnh về số lượng và chế độ chính sách cho Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, được bố trí tại khu phố, ấp, khu dân cư với số lượng thành viên từ 03 đến 07 thành viên.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất tiêu chí số lượng thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự theo quy mô dân số là phù hợp với lý do sau: (1) Đảm bảo giữ ổn định các lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang tiếp tục sử dụng và Đội dân phòng hiện có; (2) đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của tổ bảo vệ an ninh trật tự theo quy mô dân số của từng khu phố, ấp.

Dự kiến số lượng Tổ và bố trí thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

Bố trí thành viên (gọi tắt TV) theo mật độ dân số	Số Tổ bảo vệ ANTT	Tổng số thành viên	Số Tổ trưởng	Số Tổ phó	Số Tổ viên
Bố trí 3 TV (dân số dưới 3000)	474	4.182 TV	936	936	2.310
Bố trí 5 TV (dân số từ 3000 đến dưới 5000)	275				
Bố trí 7 TV (dân số từ 5000 đến dưới 7000)	86				
Bố trí 9 TV (dân số trên 7000)	87				
Tổng	936 Tổ (tại 936 ấp, khu phố)				

Như vậy, có thể so sánh mức định biên của Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở (**4.182 thành viên**) ít hơn so với mức định biên của 03 lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố và Dân phòng (**5.401 thành viên**). Do đó, mức định biên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở theo dự thảo không làm tăng biên chế so với mức định biên lực lượng hiện tại.

2. Chính sách 2: Chế độ hỗ trợ đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự

2.1. Mức phụ cấp hàng tháng

- a) Tổ trưởng: 3.000.000 đồng/người/tháng;
- b) Tổ phó: 2.700.000 đồng/người/tháng;
- c) Tổ viên: 2.400.000 đồng/người/tháng.

2.2. Mức hỗ trợ theo trình độ đào tạo

- a) Đại học: 1.500.000 đồng/người/tháng;
- b) Cao đẳng: 1.200.000 đồng/người/tháng;
- c) Trung cấp: 1.000.000 đồng/người/tháng;

2.3. Khi có quyết định triệu tập của Chủ tịch UBND xã để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự hoặc tuần tra ban đêm theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt (tính từ 22 giờ đêm hôm trước đến 06 giờ sáng hôm sau) thì được hỗ trợ 60.000 đồng/người/đêm, nhưng không quá 15 đêm/người/tháng.

2.4. Hỗ trợ tiền ăn 50.000 đồng/01 người/01 ngày nhưng tối đa không quá 15 ngày trong một tháng.

2.5. Hỗ trợ tiền thâm niên: Trường hợp có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên được hỗ trợ 70.000 đồng/tháng, mỗi năm tiếp theo tăng thêm 7.000 đồng/tháng.

2.6. Khi thực hiện nhiệm vụ trong các ngày thứ bảy, chủ nhật, Lễ, Tết (không được bố trí nghỉ bù) được hỗ trợ như sau: (Mức phụ cấp hàng tháng + Mức hỗ trợ theo trình độ đào tạo)/30 ngày x 200%. Tổng số ngày làm việc ngoài giờ không quá 30% số ngày thứ bảy, chủ nhật, Lễ, Tết trong một năm.

Cơ sở đề xuất (tại các mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6): Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và kế thừa các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ, chính sách cho lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng hiện nay. Mặt khác, Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được bố trí ở khu phố, thôn, ấp thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở có nhiều nét tương đồng với lực lượng không chuyên trách tại khu phố, thôn, ấp, khu dân cư trên địa bàn tỉnh, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ Công an cấp xã giúp UBND cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với tính chất đặc thù, khối lượng công việc lớn, nguy hiểm, áp lực, tiềm ẩn nhiều rủi ro về sức khỏe, tính mạng. Đặc biệt, khi làm việc trong khung giờ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau,

ngày nghỉ, ngày lễ, Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở thường thực hiện các nhiệm vụ dẫn giải, phối hợp đấu tranh, bắt giữ, giám sát các đối tượng phạm tội, giáo dục trẻ em, giáo dục những người vi phạm pháp luật... theo Kế hoạch của Công an xã và chỉ đạo của Công an cấp trên.

2.7. Hỗ trợ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế:

a) Hàng tháng được hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện với mức 22% theo chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo quy định của Chính phủ.

b) Hàng năm được hỗ trợ 100% Bảo hiểm y tế theo đối tượng tham gia Bảo hiểm y tế hộ gia đình, mức đóng bằng 4,5 % mức lương cơ sở.

Cơ sở đề xuất:

Để bảo đảm chế độ chính sách, an sinh xã hội cho Thành viên Tổ bảo vệ ANTT khi tham gia công tác bảo đảm ANTT ở cơ sở và thực hiện chế độ bảo hiểm quy định của Luật bảo hiểm xã hội đối với người lao động cũng như khuyến khích Thành viên Tổ bảo vệ ANTT nhiệt tình tham gia giữ gìn ANTT tại địa bàn ấp, khu phố. Mức đề xuất hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tại tỉnh Đồng Nai gần tương đồng với mức lực lượng Công an xã bán chuyên trách hiện hưởng.

Mức hỗ trợ được tính trong 01 năm như sau:

2.8. Chế độ hỗ trợ thai sản.

- Trong thời gian nghỉ thai sản được hỗ trợ bằng mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng.

- Thời gian để tính chế độ: Thời gian nghỉ thai sản theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội.

- Trong thời gian nghỉ thai sản vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

Cơ sở đề xuất:

2.9. Hỗ trợ thôi việc:

Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở nghỉ việc được cấp có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ 01 lần, cụ thể như sau:

- Trường hợp có thời gian công tác trên 05 năm, được hỗ trợ 1 lần theo chế độ mỗi năm công tác bằng một tháng mức phụ cấp đang hưởng.

- Trường hợp có thời gian công tác dưới 05 năm, được hỗ trợ 1 lần theo chế độ, mỗi năm công tác bằng ½ tháng mức phụ cấp đang hưởng.

Quy định này không áp dụng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Cơ sở đề xuất: Kế thừa Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quy định số lượng, mức phụ cấp, chế độ hỗ trợ đối với công an xã bán chuyên trách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09/4/2009 của HĐND tỉnh về mức phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Việc quy định mức hỗ trợ thôi việc đối với Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở nhằm ghi nhận quá trình công tác, cống hiến lâu dài trong lực lượng, đóng góp tích cực cho nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự ở địa phương. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở được kiện toàn chủ yếu từ lực lượng Công an xã bán chuyển trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng. Đây là những người có quá trình gắn bó, công tác lâu dài trong lực lượng. Do đó, việc quy định chế độ thôi việc cho Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở là cần thiết, phù hợp với yêu cầu thực tế đòi hỏi.

Tổng chi hỗ trợ trong 1 tháng đối với chính sách 2 là:

Một tháng: 19.872.735.000 (mười chín tỷ tám trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm ba lăm nghìn đồng).

Một năm: 238.472.820.000 (hai trăm ba mươi tám tỷ, bốn trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Chính sách 3: Mức hỗ trợ cho người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương bị chết khi thực hiện nhiệm vụ

3.1. Trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ

a) Trường hợp người có tham gia bảo hiểm y tế thì được thanh toán từ bảo hiểm y tế. Các khoản chi phí còn lại không được thanh toán từ bảo hiểm y tế thì được thanh toán toàn bộ (kể cả thuốc phải mua ngoài theo toa chỉ định của bác sỹ điều trị);

b) Trường hợp người chưa tham gia bảo hiểm y tế thì được thanh toán toàn bộ chi phí y tế trong quá trình sơ cứu, cấp cứu đến khi ổn định thương tật, xuất viện (kể cả thuốc phải mua ngoài theo toa chỉ định của bác sỹ điều trị);

Sau khi điều trị, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giới thiệu đi giám định khả năng lao động tại Hội đồng giám định y khoa theo quy định của pháp luật, tùy theo mức độ suy giảm khả năng lao động, được hưởng mức hỗ trợ tương ứng sau (áp dụng cho người tham gia và không tham gia bảo hiểm y tế):

- Bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến dưới 21% được hưởng trợ cấp một lần bằng 08 tháng mức phụ cấp hiện hưởng;

- Bị giảm khả năng lao động từ 21% đến 40% được hưởng trợ cấp một lần bằng 10 tháng mức phụ cấp hiện hưởng;

- Bị giảm khả năng lao động từ 41% đến 60% được hưởng trợ cấp một lần bằng 12 tháng mức phụ cấp hiện hưởng;

- Bị giảm khả năng lao động từ 61% đến 80% được hưởng trợ cấp một lần bằng 14 tháng mức phụ cấp hiện hưởng;

- Bị giảm khả năng lao động từ 81% trở lên được hưởng trợ cấp một lần bằng 16 tháng mức phụ cấp hiện hưởng;

Ngoài ra, trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện được hỗ trợ tiền ăn hằng ngày với mức 50.000đ/ngày.

2. Trường hợp bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ (áp dụng đối với người chưa tham gia bảo hiểm xã hội)

Trường hợp bị chết, kể cả trong thời gian điều trị lần đầu, thì người chịu trách nhiệm mai táng được nhận tiền mai táng bằng 10 tháng mức phụ cấp của người đó trước khi chết và gia đình (cha, mẹ; vợ, chồng; con hoặc người nuôi dưỡng) người đó được hỗ trợ một lần với số tiền bằng 12 tháng mức phụ cấp người đó hiện hưởng trước khi chết.

Cơ sở đề xuất: Căn cứ Nghị quyết số 101/2013/NQ-HĐND, ngày 06/12/2013 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức hỗ trợ cho người bị thương, chết, bị thiệt hại về tài sản khi tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đối tượng áp dụng của Nghị quyết 101/2013/NQ-HĐND là các tổ chức, cá nhân bị thương, chết, bị thiệt hại về tài sản khi tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Thực tế, trong những năm qua, đã có nhiều trường hợp là Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng khi thực hiện nhiệm vụ, khi tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã được hỗ trợ theo Nghị quyết số 101/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Do đó, việc quy định các mức hỗ trợ trong dự thảo Nghị quyết thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết số 101/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, sẽ không ảnh hưởng đến việc phát sinh mới chi ngân sách của tỉnh.

4. Chính sách 4: Mức chi hỗ trợ công tác tập huấn, diễn tập, hội thi bảo đảm điều kiện hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Chế độ công tác tập huấn, diễn tập, hội thi bảo đảm điều kiện hoạt động cho Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

- Trang trí Hội nghị tập huấn, diễn tập, hội thi: Không quá 500.000đ/hội nghị tập huấn, diễn tập, hội thi.

- Thuê địa điểm, hội trường: Không quá 1.000.000đ/hội nghị/hội thi.

- Nước uống cho đại biểu: 40.000đ/người/ngày. Nếu ½ ngày bằng 50%.

- Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 72.000đ/người/ngày.

- Văn phòng phẩm, tài liệu, biểu mẫu: Không quá 1.000.000đ/hội nghị.

- Pano, tờ rơi, áp phích tuyên truyền: Không quá 2.000.000đ/hội nghị.

* Kinh phí chi cho Hội nghị tập huấn, diễn tập, hội thi không được vượt quá 20.000.000đ/đợt/năm.

* *Mức chi tạm tính: 11 cuộc x 20.000.000đ = 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng).*

Cơ sở đề xuất: Đảm bảo định mức chi mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị; công tác tập huấn, diễn tập, hội thi bảo đảm điều kiện hoạt động cho Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định của Luật đối với nhiệm vụ

chi của địa phương. Định hướng mỗi huyện, thành phố tổ chức 01 lớp tập huấn, diễn tập và hội thi trong 01 năm.

5. Chính sách 5: Mức chi trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự

5.1. Danh mục, tiêu chuẩn trang bị lần đầu

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
1	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01
2	Mũ cứng gắn huy hiệu	Cái	01
4	Mũ bảo hiểm	Cái	01
5	Quần áo xuân hè gắn phù hiệu	Bộ	02
6	Áo xuân hè dài tay gắn phù hiệu	Cái	02
7	Dây lưng	Cái	01
8	Giày da	Đôi	01
9	Dép nhựa	Đôi	01
10	Bít tất	Đôi	02
11	Quần áo mưa	Bộ	01
12	Biển hiệu	Cái	01
13	Giấy chứng nhận	Cái	01
14	Chăn	Cái	01
15	Mùng	Cái	01
16	Chiều trải	Cái	01

5.2. Danh mục, tiêu chuẩn, niên hạn trang bị những năm tiếp theo

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn (năm)
1	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01	03

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn (năm)
2	Mũ cứng gắn huy hiệu	Cái	01	03
4	Mũ bảo hiểm	Cái	01	05
5	Quần áo xuân hè gắn phù hiệu	Bộ	01	01
6	Áo xuân hè dài tay gắn phù hiệu	Cái	01	02
7	Dây lưng	Cái	01	03
8	Giày da	Đôi	01	02
9	Dép nhựa	Đôi	01	01
10	Bít tất	Đôi	02	01
11	Quần áo mưa	Bộ	01	03
12	Biển hiệu	Cái	01	05
13	Giấy chứng nhận	Cái	01	05
14	Chăn	Cái	01	05
15	Mùng	Cái	01	05
16	Chiếu trải	Cái	01	02

Mức chi tạm tính trang cấp lần đầu năm 2024 (theo bảng báo giá tạm tính của Cty 19/5, Bộ Công an – Chi nhánh Phương Nam):

TT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Đơn giá tạm tính (đồng)	Thành tiền
1	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01	69.000	69.000
2	Mũ cứng gắn huy hiệu	Cái	01	127.000	127.000
4	Mũ bảo hiểm	Cái	01	276.000	276.000
5	Quần áo xuân hè gắn phù hiệu	Bộ	02	460.000	920.000

TT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Đơn giá tạm tính (đồng)	Thành tiền
6	Áo xuân hè dài tay gắn phù hiệu	Cái	02	500.000	1.000.000
7	Dây lưng	Cái	01	230.000	230.000
8	Giày da	Đôi	01	529.000	529.000
9	Dép nhựa	Đôi	01	104.000	104.000
10	Bít tất	Đôi	02	31.000	62.000
11	Quần áo mưa	Bộ	01	420.000	420.000
12	Biển hiệu	Cái	01	52.000	52.000
13	Giấy chứng nhận	Cái	01	52.000	52.000
14	Chăn	Cái	01	400.000	400.000
15	Mùng	Cái	01	200.000	200.000
16	Chiếu trải	Cái	01	50.000	50.000
Tổng cộng					4.491.000

Kinh phí trang bị lần đầu đối với 01 thành viên Lực lượng là **4.491.000đ** (bốn triệu bốn trăm chín một nghìn đồng).

Tạm tính trang bị lần đầu đối với toàn Lực lượng: 4.491.000đ x 4.182 thành viên = **18.781.362.000đ** (mười bốn tỷ, bảy trăm bảy mươi triệu, tám trăm hai bốn nghìn đồng).

Mức chi tạm tính theo phân kỳ niên hạn:

STT	Năm	Số tiền trang bị cho 1 người (triệu đồng)	Số tiền trang bị cho toàn lực lượng
1	2025	1.086.000	4.541.652.000
2	2026	2.165.000	9.054.030.000
3	2027	1.932.000	8.079.624.000

STT	Năm	Số tiền trang bị cho 1 người (triệu đồng)	Số tiền trang bị cho toàn lực lượng
4	2028	2.165.000	9.054.030.000
5	2029	2.066.000	8.640.012.000
Tổng cộng		9.414.000	39.369.348.000

** Mức chi trung bình trang bị 01 năm trong 01 phân kỳ giai đoạn 05 năm tại chính sách 5 là: 7.873.869.600đ (bảy tỷ, tám trăm bảy ba triệu, tám trăm sáu chín nghìn, sáu trăm đồng).*

Cơ sở đề xuất: Điều 3, Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở; Căn cứ bảng báo giá của Công ty 19/5 - Bộ Công an. Mặt khác, Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở được kiện toàn từ lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng, đây là những lực lượng đều được trang bị theo danh mục tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, tương đồng với danh mục trang bị của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự theo dự thảo Nghị quyết này.

Như vậy, tổng kinh phí dự chi cho toàn lực lượng tính trong 01 năm được tính tại các mục: (2) + (4) + (5) = 238.472.820.000 + 220.000.000đ + 7.873.869.600đ = 246.566.689.600 đồng (Bằng chữ: hai trăm bốn sáu tỷ năm trăm sáu sáu triệu, sáu trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng).

Vượt so với tổng mức chi tối đa của 03 lực lượng CAX, BVDP, DP là: 246.566.689.600đ - 179.119.648.000đ = 67.447.041.600đ (vượt mức tương đương 37,65 %).

VI. HIỆU LỰC THI HÀNH

Trình ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc “Quy định tiêu chí thành lập, số lượng, mức phụ cấp, chế độ hỗ trợ đối với Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” để đảm bảo phù hợp với các căn cứ pháp lý và tình hình thực tiễn; Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày HĐND tỉnh Đồng Nai thông qua.

V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Sau khi UBND tỉnh trình HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh có văn bản chấp thuận xây dựng Nghị quyết; Công an tỉnh tiếp tục thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, trình kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc “Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và hỗ trợ, bồi dưỡng; tiêu chuẩn trang phục, phương tiện, thiết bị đối

với người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT tỉnh ủy.